

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

BẢN SAO



Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5
Thông tin về Công ty

**Giấy chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

5100310438

ngày 7 tháng 10 năm 2009

Giấy chứng nhận đầu tư số 10121000097

ngày 23 tháng 4 năm 2010

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5100310438 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp ngày 10 tháng 3 năm 2015.

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Khắc Tiệp
Ông Phạm Văn Tuyền
Ông Đặng Quang Đạt
Ông Phạm Xuân Tiêng
Ông Lưu Văn Tân

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lưu Văn Tân
Ông Nguyễn Tiến Đức

Giám đốc
Phó Giám đốc (từ 21/11/2015)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung
Ông Trần Huy Quyết
Ông Vũ Sơn Thủy

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Xã Thèn Phàng
Huyện Xín Mần
Tỉnh Hà Giang

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

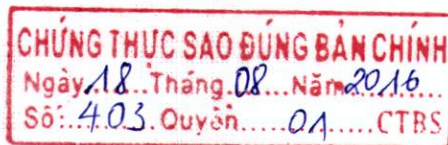
- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 25 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thay mặt Ban Giám đốc,
Lưu Văn Tân
Giám đốc

Hà Giang, 14-03-2016



PHÒNG TƯ PHÁP H. XÍN MẦN
TRƯỞNG PHÒNG



Trần Văn Bình

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower, 72-Storey Building,
Plot E6, Pham Hung Street, Cau Giay New Urban Area,
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5 ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14-03-2016 được trình bày từ trang 5 đến trang 25.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG



Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 15-02-114

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 14-03-2016

Nguyễn Minh Hiếu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1572-2013-007-1

CHỨNG THỰC SAO DUNG BAN CHỈNH
Ngày 18...Tháng 08...Năm 2016...
Số: 403 Quyển 01...CTBS

PHÒNG TƯ PHÁP H. XÍN MÃN
TRƯỞNG PHÒNG



Trần Văn Bình

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140)	100		8.762.772.545	8.715.253.979
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	268.904.701	158.218.446
Tiền	111		268.904.701	158.218.446
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.180.823.208	7.830.300.437
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.281.697.741	6.295.529.728
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		622.604.200	946.250.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		276.521.267	588.520.709
Hàng tồn kho	140	7	313.044.636	726.735.096
Hàng tồn kho	141		313.044.636	726.735.096
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	200		353.423.627.005	371.339.347.171
Tài sản cố định	220		353.423.627.005	368.852.726.030
Tài sản cố định hữu hình	221	8	353.423.627.005	368.852.726.030
Nguyên giá	222		413.882.533.782	411.924.787.516
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.458.906.777)	(43.072.061.486)
Tài sản dài hạn khác	260		-	2.486.621.141
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	2.486.621.141
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		362.186.399.550	380.054.601.150

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		230.083.729.680	252.736.340.586
Nợ ngắn hạn	310		26.256.014.218	46.457.436.495
Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	3.720.531.089	12.461.671.768
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	1.093.190.422	4.838.155.915
Phải trả người lao động	314		1.073.605.047	729.646.308
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		21.818.180	1.188.916.430
Phải trả ngắn hạn khác	319	12	1.342.030.259	1.371.341.923
Vay ngắn hạn	320	13(a)	19.004.839.221	25.867.704.151
Vay và nợ dài hạn	330		203.827.715.462	206.278.904.091
Vay dài hạn	338	13(b)	203.827.715.462	206.278.904.091
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		132.102.669.870	127.318.260.564
Vốn chủ sở hữu	410	14	132.102.669.870	127.318.260.564
Vốn cổ phần	411	15	150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
Lỗ lũy kế	421		(17.897.330.130)	(22.681.739.436)
- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(22.681.739.436)	(16.338.965.710)
- LNST chưa phân phối/(lỗ) kỳ này	421b		4.784.409.306	(6.342.773.726)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		362.186.399.550	380.054.601.150

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH
 Ngày... Tháng... Năm... 2016...
 Số... 403... Quyền... CTBS

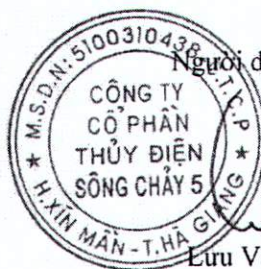
PHÒNG TƯ PHÁP H. XIN MÃN
TRƯỞNG PHÒNG

14-03-2016



Người lập:

Bùi Quang Hùng
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

Lưu Văn Tân
 Giám đốc

Trần Văn Bình

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng	01	16	57.749.294.289	53.301.041.422
Giá vốn hàng bán	11	17	29.295.906.637	27.920.776.308
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		28.453.387.652	25.380.265.114
Doanh thu hoạt động tài chính	21		19.041.225	14.962.620
Chi phí tài chính	22		22.819.958.785	27.649.933.179
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		22.145.475.639	27.649.933.179
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.594.483.005	3.978.659.048
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		2.057.987.087	(6.233.364.493)
Thu nhập khác	31	18	2.730.106.831	1.350.765.260
Chi phí khác	32	19	3.684.612	1.460.174.493
Lợi nhuận/(lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		2.726.422.219	(109.409.233)
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.784.409.306	(6.342.773.726)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		4.784.409.306	(6.342.773.726)

CHỨNG NHẬN SẴN ĐÚNG BẢN CHÍNH
 Ngày 18...Tháng 02...Năm 2016...
 Số 403...Quận 01...CTBS

PHÒNG TƯ PHÁP H. XIN MÃN

TRƯỞNG PHÒNG



Bùi Văn Hùng

Bùi Văn Hùng
 Kế toán trưởng

14-03-2016

Người lập:

Người duyệt:



Lưu Văn Tân
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		4.784.409.306	(6.342.773.726)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		17.386.845.291	17.624.441.267
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(19.041.225)	(433.845.880)
Chi phí lãi vay	06		22.145.475.639	27.649.933.179
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		44.297.689.011	38.497.754.840
Biến động các khoản phải thu	09		31.056.212.264	83.642.704
Biến động hàng tồn kho	10		413.690.460	864.704.485
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(44.798.086.545)	(17.705.175.444)
Biến động chi phí trả trước	12		2.486.621.141	(876.454.129)
			33.456.126.331	20.864.472.456
Tiền lãi vay đã trả	14		(22.128.077.742)	(27.183.863.750)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.328.048.589	(6.319.391.294)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.922.350.000)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	1.665.284.577
Tiền thu lãi tiền gửi	27		19.041.225	14.962.620
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.903.308.775)	1.680.247.197

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		243.383.866.054	15.867.868.491
Tiền trả nợ gốc vay	34		(252.697.919.613)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.314.053.559)	3.867.868.491
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		110.686.255	(771.275.606)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	158.218.446	929.494.052
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	268.904.701	158.218.446

14-03-2016

Người lập:

Bùi Quang Hùng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Trần Văn Tân
 Giám đốc



CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH
 Ngày 18... Tháng 03... Năm 2016...
 Số... 403... Quyển... 01... CTBS

PHÒNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH
 H. XÍN MẦN - T. HÀ GIANG



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Trần Văn Bình

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5 (“Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phát triển Năng Lượng Sông Đà 5, là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Đầu tư, xây dựng, lắp đặt và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Xây dựng công trình công nghiệp;
- Khai thác, sản xuất và kinh doanh vật tư xây dựng, bê tông thương phẩm;
- Xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt;
- Thi công bằng phương pháp khoan, nổ mìn;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Mua, bán, nhập khẩu vật tư, phụ tùng, thiết bị, xe máy thi công;
- Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức cá nhân;
- Thăm dò địa chất, khai thác, chế biến và kinh doanh xuất khẩu khoáng sản, khai khoáng khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
- Sản xuất kim loại; và
- Kinh doanh vận tải bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 30 nhân viên (1/1/2015: 31 nhân viên).

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 17.493 triệu VND (1/1/2015: 37.742 triệu VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 13). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc các cổ đông tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng các cổ đông sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo tài chính.

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của Công ty, nếu có, được trình bày tại thuyết minh ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4(a)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 7 năm

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(f) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

(g) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

(h) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(i) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(j) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(k) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ là Công ty Cổ phần Sông Đà 5 và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

5. Tiền

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tiền mặt	64.555.167	9.813.281
Tiền gửi ngân hàng	204.349.534	148.405.165
	268.904.701	158.218.446

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	7.281.697.741	6.000.906.283
Các khách hàng khác	-	294.623.445
	7.281.697.741	6.295.529.728

7. Hàng tồn kho

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Nguyên vật liệu	300.234.636	167.896.004
Công cụ và dụng cụ	12.810.000	84.684.957
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	474.154.135
	313.044.636	726.735.096

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	301.913.327.690	108.825.923.099	1.185.536.727	411.924.787.516
Tăng trong năm	-	1.922.350.000	-	1.922.350.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	35.396.266	-	35.396.266
Số dư cuối năm	301.913.327.690	110.783.669.365	1.185.536.727	413.882.533.782
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	28.679.478.193	13.587.789.924	804.793.369	43.072.061.486
Khấu hao trong năm	11.675.054.772	5.518.089.753	193.700.766	17.386.845.291
Số dư cuối năm	40.354.532.965	19.105.879.677	998.494.135	60.458.906.777
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	273.233.849.497	95.238.133.175	380.743.358	368.852.726.030
Số dư cuối năm	261.558.794.725	91.677.789.688	187.042.592	353.423.627.005

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 375 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 59 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 353.424 triệu VND (1/1/2015: 368.852 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 13(b)).

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	16.645.271.412	1.664.527.141	21.433.365.330	2.143.336.533

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2018	Chưa quyết toán	10.916.965.340
2019	Chưa quyết toán	5.728.306.072
		<u>16.645.271.412</u>

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

10. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	-	-	1.776.088.449	1.776.088.449
Công ty Cổ phần Nam Điện Phúc Kiến	2.852.167.813	2.852.167.813	5.503.906.145	5.503.906.145
Tổng Công ty Cơ khí Xây điện – Công ty TNHH Một thành viên	-	-	1.093.474.006	1.093.474.006
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	17.397.897	17.397.897	2.533.822.187	2.533.822.187
Các nhà cung cấp khác	850.965.379	850.965.379	1.554.380.981	1.554.380.981
	<u>3.720.531.089</u>	<u>3.720.531.089</u>	<u>12.461.671.768</u>	<u>12.461.671.768</u>

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các công ty liên quan

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	17.397.897	17.397.897	2.533.822.187	2.533.822.187
Công ty Cổ phần Someco Sông Đà	-	-	1.776.088.449	1.776.088.449

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.252.585.352	5.191.090.221	(6.814.558.741)	629.116.832
Thuế tài nguyên và phí dịch vụ môi trường rừng	2.468.750.011	4.207.669.158	(6.214.099.305)	462.319.864
Thuế nhà thầu	116.820.552	-	(116.820.552)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	102.879.565	(101.125.839)	1.753.726
	4.838.155.915	9.504.638.944	(13.249.604.437)	1.093.190.422

12. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Kinh phí công đoàn	656.585.146	740.329.565
Quỹ Sông Đà	326.315.003	332.437.647
Các khoản phải trả khác	359.130.110	298.574.711
	1.342.030.259	1.371.341.923

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5

Thuyết minh báo cáo tài chính cho cto năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Các khoản vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.867.704.151	3.867.704.151	10.607.339.221	(12.470.204.151)	2.004.839.221	2.004.839.221
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 14(b))	22.000.000.000	22.000.000.000	17.000.000.000	(22.000.000.000)	17.000.000.000	17.000.000.000
	25.867.704.151	25.867.704.151	27.607.339.221	(34.470.204.151)	19.004.839.221	19.004.839.221

Vay ngắn hạn thể hiện khoản thấu chi tại một ngân hàng, chịu lãi suất theo quy định của ngân hàng này.

(b) Vay dài hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Vay dài hạn	220.827.715.462	228.278.904.091
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13(a))	(17.000.000.000)	(22.000.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	203.827.715.462	206.278.904.091

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn còn số dư là như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Khoản vay ngân hàng 1	VND	9% - 10%	2023	-	228.278.904.091
Khoản vay ngân hàng 2	VND	9%	2026	220.827.715.462	-

Trong năm, Công ty đã thanh toán trước hạn toàn bộ nợ gốc và lãi vay đối với ngân hàng 1, đồng thời ký và giải ngân hợp đồng vay dài hạn mới với ngân hàng 2. Khoản vay ngân hàng này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của Công ty.

14. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư ngày 1/1/2014	120.000.000.000	30.000.000.000	(16.338.965.710)	133.661.034.290
Chuyển vốn khác thành vốn góp (Thuyết minh 15)	30.000.000.000	(30.000.000.000)	-	-
Lỗi thuần trong năm	-	-	(6.342.773.726)	(6.342.773.726)
Số dư ngày 1/1/2015	150.000.000.000	-	(22.681.739.436)	127.318.260.564
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	4.784.409.306	4.784.409.306
Số dư ngày 31/12/2015	150.000.000.000	-	(17.897.330.130)	132.102.669.870

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	150.000.000.000	120.000.000.000
Chuyển vốn khác thành vốn góp	-	30.000.000.000
Số dư cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 01/NQ-ĐHĐCĐ-SIDEC ngày 9 tháng 1 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã nhất trí thông qua việc tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ VND lên 150 tỷ VND. Công ty đã góp đủ số vốn điều lệ tăng thêm bằng tiền mặt và chuyển đổi các khoản phải trả thành vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty chưa sửa đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, do đó, phần vốn góp tăng thêm được ghi nhận là vốn khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Ngày 26 tháng 5 năm 2014, Công ty đã sửa đổi Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, do đó, phần vốn khác được Công ty chuyển sang thành vốn góp trong năm 2014.

16. Doanh thu bán hàng

Doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng điện thương phẩm đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Giá vốn hàng bán

	2015 VND	2014 VND
Hàng hoá đã bán	29.295.906.637	27.920.776.308

18. Thu nhập khác

	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	418.883.260
Xóa sổ khoản phải trả không phải thanh toán	2.651.738.332	-
Thu nhập khác	78.368.499	931.882.000
	2.730.106.831	1.350.765.260

19. Chi phí khác

	2015 VND	2014 VND Đã phân loại lại
Các khoản phạt về thuế	-	614.467.654
Chi phí khác	3.684.612	845.706.839
	3.684.612	1.460.174.493

20. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	43.575.000	252.120.268
Chi phí nhân công	2.908.120.854	3.292.660.356
Chi phí khấu hao	17.386.845.291	17.624.441.267
Chi phí dịch vụ mua ngoài	91.753.343	1.123.208.453
Chi phí khác	10.677.625.552	9.627.005.012

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Thuế thu nhập****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2015 VND	2014 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	4.784.409.306	(6.342.773.726)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	478.440.931	(634.277.373)
Chi phí không được khấu trừ thuế	368.461	61.446.766
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	572.830.607
Lỗ tính thuế được sử dụng	(478.809.392)	-
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định hiện hành về thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2012 đến năm 2026) và 20% cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế năm 2012 và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 22% trong năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống còn 20% từ năm 2016.

22. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 - Công ty mẹ		
Bán thanh lý tài sản	-	338.965.077
Vay	6.602.500.000	3.867.704.151
Hoàn trả gốc vay	10.470.204.151	-

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Số liệu so sánh**

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	1/1/2015 (phân loại lại) VND	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu ngắn hạn khác	588.520.709	50.428.043
Tài sản ngắn hạn	-	538.092.666

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 (phân loại lại) VND	2014 (theo báo cáo trước đây) VND
Thu nhập khác	1.350.765.260	2.597.166.577
Chi phí khác	1.460.174.493	2.706.575.810

14-03-2016

Người lập:

Bùi Quang Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Luu Văn Tân
Giám đốc**CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH**
Ngày... 18 ... Tháng ... 08 ... Năm ... 2016
Số: 403 ... Quyển ... 01 ... CTBSPHÒNG TƯ PHÁP H. XÍN MÃN
TRƯỞNG PHÒNG

Bùi Văn Bình